

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Hữu Tiến

2. Ngày tháng năm sinh: 13/10/1979; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hòa Phú, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 85 TT1, Khu đô thị Văn phú, Phường Phú la, Quận Hà đông, Thành phố Hà nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 85 TT1, Khu đô thị Văn phú, Phường Phú la, Quận Hà đông, Thành phố Hà nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0939919396;

E-mail: tienvh@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 12/2004 đến 03/2007: Chuyên viên tại Trung tâm Đào tạo BCVT 1 – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ 04/2007 đến 11/2010: Nghiên cứu sinh tại Đại học Chulalongkorn – Thái lan

Từ 12/2010 đến 03/2013: Chuyên viên tại Trung tâm Đào tạo BCVT 1 – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ 04/2013 đến 08/2015: Giảng viên tại Viện Công nghệ thông tin và truyền thông CDIT – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ 09/2015 đến 03/2016: Giảng viên tại Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ 04/2016 đến 09/2020: Phó trưởng khoa tại Khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ 10/2020 đến 06/2023: Phó trưởng khoa Phụ trách khoa tại Khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chức vụ hiện nay: Phụ trách bộ môn Công nghệ Đa phương tiện; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa Phụ trách khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: 122 Hoàng Quốc Việt, Cầu giấy, Hà nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng DH [3] ngày 20 tháng 06 năm 2002, số văn bằng: B382934, ngành: Điện tử - Viễn thông, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông

Nơi cấp bằng DH [3] (trường, nước): Đại học Bách khoa Hà nội.

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 28 tháng 02 năm 2005, số văn bằng: 001155, ngành: Điện tử - Viễn thông, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Bách khoa Hà nội.

- Được cấp bằng TS [5] ngày 06 tháng 07 năm 2011, số văn bằng: 507 18553 21, ngành: Điện tử - Viễn thông, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Chulalongkorn, Bangkok, Thái lan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các nghiên cứu của ứng viên tập trung chủ yếu trong lĩnh vực xử lý tín hiệu ảnh và video với hai hướng chính bao gồm:

1. Cải thiện hiệu năng cho các chuẩn mã hóa video.
2. Ứng dụng các kỹ thuật học máy nhằm cải thiện chất lượng truyền và xử lý ảnh/video.

Theo hướng thứ nhất, ứng viên tập trung nghiên cứu các kỹ thuật cải thiện hiệu năng cho các chuẩn nén video đã được ban hành bao gồm H.264/AVC, H.265/HEVC và H.266/VVC nhằm giảm tốc độ bit mã hóa đồng thời tăng chất lượng hình ảnh video. Theo hướng thứ hai, ứng viên tập trung nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật học máy nhằm tăng cường chất lượng trải nghiệm cho hệ thống truyền video trực tuyến; cải thiện hiệu năng cho các ứng dụng xử lý hình ảnh/video như ứng dụng phát hiện và nhận dạng đối tượng, ứng dụng camera giám sát an ninh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 5 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 45 bài báo khoa học, trong đó 8 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen cấp Bộ	Bộ Thông tin và Truyền thông	2019
2	Chiến sỹ thi đua cấp Bộ	Bộ Thông tin và Truyền thông	2020
3	Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở	Học viện	2022
4	Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở	Học viện	2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1. *Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:* Là một giảng viên của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, tôi tự nhận thấy mình có đủ các tiêu chuẩn của một nhà giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có bản lĩnh chính trị, luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà Nước;
- Sống và làm việc nghiêm túc, gương mẫu, có trách nhiệm, hòa đồng cùng đồng nghiệp, thân thiện, nhiệt huyết với sinh viên;
- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, đồng thời tôn trọng, đối xử công bằng, biết lắng nghe, và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học;
- Được đào tạo bài bản về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ trong nước và quốc tế; luôn có ý thức trau dồi kiến thức, không ngừng học tập; thường xuyên cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

1. *Về nhiệm vụ:* Luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của nhà trường. Cụ thể:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của giảng viên, các quy định của điều lệ, quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường;
- Tích cực tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; tham gia biên soạn đề cương, bài giảng và giáo trình phục vụ đào tạo;
- Tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và xây dựng cộng đồng nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước thông qua các hoạt động;
- Thành viên ban chương trình Hội nghị Quốc gia về Điện tử Viễn thông và Công nghệ thông tin của Hội vô tuyến điện tử Việt nam (REV-ECIT) trong các năm 2021, 2022, 2023;
- Tích cực tham gia phản biện và nộp bài báo khoa học cho các tạp chí trong và ngoài nước (Tạp chí khoa học công nghệ thông tin và truyền thông – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Tạp chí Công nghệ thông tin – Truyền thông – Đại học Quốc gia, Tạp chí IEEE Access, Tạp chí IEICE, ...) và các Hội thảo quốc tế (ATC, NICS, ICCE, MCSOC, ...);
- Chủ trì và tham gia các đề tài cấp Cơ sở và cấp Nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm 6 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			1	2	434		434/628,8/270
2	2020-2021	1		1	2	528		528/749,2/270
3	2021-2022	1			2	253		253/399,3/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	1			3	289		289/394,5/270
5	2023-2024	1			3	386		386/513,4/270
6	2024-2025	1			4	336		336/401,7/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: Thái Lan; Từ năm 2007 đến năm 2011

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Thái Lan năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL ITP

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Nhật Khải		X	X		01/2014 đến 06/2014	Học viện Công nghệ BCVT	20/10/2014
2	Phạm Thị Mai Loan		X	X		01/2017 đến 06/2017	Học viện Công nghệ BCVT	18/10/2017
3	Đào Thị Huyền		X	X		06/2018 đến 11/2018	Học viện Công nghệ BCVT	20/03/2019
4	Nguyễn Viết Quân		X	X		11/2019 đến 04/2020	Học viện Công nghệ BCVT	14/08/2020
5	Nguyễn Quang Huy		X	X		06/2021 đến 11/2021	Học viện Công nghệ BCVT	14/04/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Xử lý và truyền thông đa phương tiện	GT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2022	3	CB	(Chương 1, 2)	Quyết định số 772/QĐ-HV, ngày 23/6/2022

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Cải tiến hiệu năng hệ thống mã hóa video dựa trên mô hình nhiễu tương quan	CN	02-2019-HV- ĐPT-VT, cấp Cơ sở	22/04/2019 đến 30/11/2019	20/12/2019/Đạt
2	Cải thiện hiệu năng hệ thống mã hóa video dựa trên kỹ thuật học máy	CN	07-2020-HV- ĐPT-CN, cấp Cơ sở	28/04/2020 đến 30/11/2020	27/12/2020/Xuất sắc
3	Nghiên cứu và xây dựng mô hình học máy dự đoán tham số lượng tử dựa trên nội dung và chất lượng ảnh cho bộ mã hóa video x.264	CN	03-PTIT- NAVER, cấp Cơ sở	30/07/2021 đến 31/01/2022	23/02/2022/Đạt
4	Nghiên cứu và xây dựng mô hình học máy dự đoán tham số lượng tử dựa trên nội dung nhằm đảm bảo	CN	01-PTIT- NAVER-	30/08/2022 đến 31/08/2023	24/08/2023/Đạt

	chất lượng ảnh cho bộ mã hóa video		2022, cấp Cơ sở		
5	Nghiên cứu và đề xuất kỹ thuật cải tiến hiệu năng mã hóa Video theo chuẩn H.266/VVC	CN	07-2024-HV-ĐPT, cấp Cơ sở	06/03/2024 đến 30/11/2024	01/11/2024/Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Adaptive FMO Map Generation using Cross Video Coding-MAC Layer Consideration	2	Có	Asia Pacific Signal and Information Processing Association Annual Summit and Conference (APSIPA 2011), ISSN: 1945-7871	- Scopus	1	473–477	10/2011
2	An Error Resilience Technique Based on Error Propagation for H.264 Video Coding in Error-Prone Channels	2	Có	International Conference on Multimedia and Expo (ICME 2009), eISSN: 1945-788X	- Scopus	19	205-208	08/2009
3	Joint FMO and adaptive intra refresh for	2	Có	Asia Pacific Signal and Information Processing	- Scopus		449–452	10/2009

	error resilience in H.264 video coding			Association Annual Summit and Conference (APSIPA 2009)				
4	Comparative Study and Evaluation of Vertical Handover Mechanisms using Mobile IP and mSCTP	3	Có	10th Vietnam Conference on Radio & Electronics (REV'06), Hanoi, 2006			135-140	11/2006

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

5	Consistent Quality in Video Coding: A Perceptual RDO and Neural Network - based QP Prediction Approach	4	Có	IEEE Access, ISSN: 2169-3536	ISI - SCIE <i>IF: IF: 3.367, Q1</i>		13 94336 - 94353	05/2025
6	QoE-Energy Consumption Optimization for End-User Devices in Adaptive Bitrate Video Streaming Using the Lagrange	2	Có	EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems, eISSN: 2410-0218	ESCI - Scopus <i>IF: IF: 0.411, Q3</i>		12, 3, 1-12	04/2025
7	QoE Aware Video Streaming	4	Có	IEEE Access, ISSN: 2169-3536	ISI - SCIE <i>IF: IF: 3.367, Q1</i>	7	12 45785-45795	03/2024

	Scheme Utilizing GRU-based Bandwidth Prediction and Adaptive Bitrate Selection for Heterogeneous Mobile Networks							
8	Learning Adaptive Quantization Parameter for Consistent Quality Oriented Video Coding	4	Có	Electronics, ISSN: 2079-9292	ISI - SCIE <i>IF: IF: 2.6, Q2</i>	1	12, 4905, 1-12	12/2023
9	Learning adaptive motion search for fast versatile video coding in visual surveillance systems	4	Không	IET Image Processing, ISSN: 1751-9667	ISE - SCIE <i>IF: IF: 2.373, Q2</i>	1	18, 4, 981-995	11/2023
10	View synthesis method for 3D video coding based on temporal and inter view correlation	6	Không	IET Image Processing, ISSN: 1751-9667	ISE - SCIE <i>IF: IF: 2.373, Q2</i>	2	12, 11, 2111-2118	09/2018

11	A Cross Video-MAC Layer Approach for Generating Adaptive FMO Map	2	Có	ECTI Transactions on Electrical Engineering, Electronics, and Communications (ECTI-CIT), ISSN: 2286-9131	ISI - Scopus <i>IF: IF: 0.257, Q4</i>	2	6, 1, 58–63	05/2012
12	New Error Resilience Technique Using Adaptive FMO and Intra Refresh for H.264 Video Transmission	3	Có	IEICE Transactions on Fundamentals of Electronics Communications and Computer Sciences. ISSN: 1745-1337	ISI - SCIE <i>IF: IF: 0.338, Q3</i>	3	E94A, 8, 1647-1655	08/2011
13	Cải tiến hàm tính độ méo trong quá trình tối ưu độ méo-tốc độ bit cho bộ mã hóa video H.266/VCC	2	Có	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224			1, 3, 1-7	10/2024
14	Weather image classification based on combination of CNN and XGBOOST	2	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224			1, 3, 69-74	09/2023
15	Phương pháp điều chỉnh hệ số lượng tử theo nội dung	4	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn			1, 4, 10-16	12/2022

	cục bộ khung hình video			thông. ISSN: 2525 - 2224				
16	Early CTU Termination and Three-steps Mode Decision Method for Fast Versatile Video Coding	6	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin – Truyền thông, Đại học Quốc gia Hà nội. eISSN: 2588-1086			39, 2, 42-56	12/2022
17	Giảm thời gian mã hóa cho chuẩn nén video HEVC dựa trên việc cải tiến thuật toán tìm kiếm TZ	2	Có	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224			1, 3, 115-121	10/2021
18	Ứng dụng mạng nơ-ron trong kỹ thuật tạo thông tin phụ trợ cho mã hóa video phân tán	2	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224			1, 3, 9-14	10/2020
19	Improving TDWZ Correlation Noise Estimation: A Deep Learning based Approach	4	Có	Tạp chí REV về Điện tử và Truyền thông, Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam, ISSN: 1859 - 378X		1	10, 1-2, 45-54	06/2020
20	A Novel Technique in Error	2	Không	Tạp chí Khoa học & Công nghệ các trường Đại học Kỹ			102, 50-56	11/2016

	Propagation Resilience for H.264 Video Coding Based on FMO and Intra Refresh Rate			thuật / Đại học Bách khoa Hà Nội ISSN: 0868-3980				
21	Phương pháp tạo thông tin phụ trợ cho mã hóa video phân tán	3	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224			1, 2, 11-17	10/2016
22	VMAF oriented End-to-End quality prediction model for Perceptual Versatile video coding	5	Không	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2024) ISSN: 2162-1039	- Scopus		666-671	03/2025
23	Phương pháp phát hiện gian lận thi dựa trên kỹ thuật học sâu	4	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXVII (REV-ECIT 2024) ISBN 978-604-80-3457-3			344-350	12/2024
24	Performance of hybrid models with VGG16-XGBoost and VGG16-LightGBM on fake face	2	Có	International Conference on Intelligent Systems and Networks (ICISN 2024)	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		248-253	09/2024

	image recognition							
25	A Comprehensive Study on Objective Assessment Metrics with Light Field Images	4	Không	International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF – 2023) ISBN:979-8-3503-1584-4	- Scopus		569-574	03/2024
26	Advanced Feature Processing for IoT-based Intrusion Detection System	4	Không	International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF – 2023) ISBN:979-8-3503-1584-4	- Scopus		37-42	03/2024
27	Cải tiến hiệu năng mã hóa video H.266/VVC dựa trên phương pháp đánh giá chất lượng VMAF	3	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXVI (REV-ECIT 2023) ISBN 978-604-80-8932-0			276-281	12/2023
28	Xây dựng và đánh giá hiệu năng mã hóa video phân tán với chuẩn VVC cải tiến	7	Không	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXVI (REV-ECIT 2023) ISBN 978-604-80-8932-0			288-293	12/2023
29	Tăng cường chất lượng trải nghiệm người dùng trong hệ	3	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ			152-158	12/2022

	thống video trực tuyến thích nghi sử dụng mô hình ước lượng bằng thông LSTM			XXV (REV-ECIT 2022) ISBN 978-604-80-7468-5				
30	VMAF based quantization parameter prediction model for low resolution video coding	6	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2022) ISSN: 2162-1039	- Scopus	1	364-368	11/2022
31	Ước lượng bằng thông sử dụng mô hình mang nơ-ron LSTM	5	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXIV (REV-ECIT 2021) ISBN 978-604-80-5958-3			54-59	12/2021
32	Phương pháp tạo thông tin phụ trợ dựa trên kỹ thuật học máy cho mã hóa video Wyner-Ziv	2	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXIV (REV-ECIT 2021) ISBN 978-604-80-5958-3			402 - 408	12/2021
33	Efficient Multipath Routing Scheme for MPTCP-enable Software- Defined Networks	4	Không	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2021) ISSN: 2162-1039	- Scopus		68-72	11/2021

34	Content based side information creation for distributed video coding	3	Có	2nd National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS 2019) eISBN: 978-1-7281-5163-2	- Scopus	1	223-227	03/2020
35	Improving performance of distributed video coding by consecutively refining of side information and correlation noise model	4	Có	19th International Symposium on Communications and Information Technologies (ISCIT 2019) ISSN: 2643-6175	- Scopus	1	502-506	11/2019
36	Distortion Model based on Perceptual of Local Image Content	5	Không	IEEE International Conference on Consumer Electronics - Asia (ICCE-Asia 2019) eISBN: 978-1-7281-3336-2	- Scopus	2	5 – 8	06/2019
37	Artificial Intelligence Based Adaptive GOP Size Selection for Effective Wyner-Ziv Video Coding	4	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2018) ISSN: 2162-1039	- Scopus	8	120-124	12/2018

38	A Practical High Efficiency Video Coding Solution for Visual Sensor Network using Raspberry Pi Platform	4	Không	IEEE 12th International Symposium on Embedded Multicore/Many-core Systems-on-Chip (MCSoc 2018) eISBN: 978-1-5386-6689-0	- Scopus	2	64-68	11/2018
39	Base layer constrained error concealment solutions for robust SHVC video transmission	6	Không	International Workshop on Advanced Image Technology (IWAIT 2018) eISBN:978-1-5386-2615-3	- Scopus	1	1-4	05/2018
40	Cải tiến phương pháp tạo thông tin phụ trợ dựa trên kỹ thuật siêu phân giải cho hệ thống mã hóa video liên lớp phân tán	4	Không	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XX (REV-ECIT 2017) ISBN: 978-604-67-1021-9			28-32	12/2017
41	Đề xuất kỹ thuật gắn xương tự động cho các đối tượng 3D thông qua Plug-in trong phần mềm Maya	4	Không	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XX (REV-ECIT 2017) ISBN: 978-604-67-1021-9			38-41	12/2017

42	Static hand gesture recognition for Vietnamese sign language (VSL) using principle components analysis	4	Có	International Conference on Communications, Management and Telecommunications (ComManTel 2015) eISBN:978-1-4673-6547-5	- Scopus	34	138-141	02/2016
43	Ứng dụng PCA trong nhận dạng cử chỉ tay ngôn ngữ tiếng Việt	4	Không	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XVIII (REV-ECIT 2015) ISBN 978-604-67-0635-9			136-139	12/2015
44	An improved technique using FMO for error propagation resilience in H.264 video coding	2	Có	2nd National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS 2015) eISBN:978-1-4673-6640-3	- Scopus	3	225-228	10/2015
45	An Improved Rate Control Scheme for H.264 Using Bit-count Indicator	2	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2014) eISSN: 2162-1039	- Scopus		544-547	02/2015

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 ([5] [6] [7] [8] [11] [12])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Hiệu chỉnh chương trình đào tạo ngành Công nghệ Đa phương tiện	Tham gia	QĐ 683/QĐ-HV, ngày 23/5/2023	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	QĐ 1172/QĐ-HV ngày 23/8/2023	Không
2	Xây dựng chương trình đào tạo ngành Báo chí số	Tham gia	QĐ 388/QĐ-HV, ngày 07/5/2021	Học viện Công nghệ Bưu	QĐ 798/QĐ-HV ngày 30/6/2022	Không

				chính Viện thông		
--	--	--	--	---------------------	--	--

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hà nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)